

Vấn đề bạo lực trong gia đình Việt Nam – Hàn Quốc từ cách tiếp cận giới và hệ thống chính sách

Nguyễn Thị Phương Thảo*

Tóm tắt: Bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa là vấn đề phổ biến trong xã hội Hàn Quốc. Các công trình nghiên cứu trước đây có xu hướng nhận định vấn đề bạo lực gia đình này chủ yếu xuất phát từ sự bất đồng ngôn ngữ, văn hóa, hay khác biệt tính cách. Tuy nhiên, bài viết này cho rằng, cần phải nhìn nhận nguyên nhân vấn đề từ quan điểm giới cùng hệ thống chính sách mới có thể đưa ra hướng giải quyết hiệu quả. Do đó, bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu để tìm hiểu vấn đề bạo lực trong các gia đình Việt - Hàn dựa trên cách tiếp cận về giới và hệ thống chính sách. Cụ thể, bài viết phân tích những yếu tố bất lợi đối với phụ nữ kết hôn di trú trong xã hội mang đậm tính gia trưởng cùng các chính sách liên quan ở Hàn Quốc, từ đó đưa ra những khuyến nghị về phòng chống bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa nói chung và gia đình Việt - Hàn nói riêng. Với cách tiếp cận này, bài viết góp phần gợi mở hướng nghiên cứu mới cho các học giả quan tâm đến giới và bạo lực gia đình.

Từ khóa: bạo lực gia đình; gia đình Việt - Hàn; cách tiếp cận giới; hệ thống chính sách.

Ngày nhận 06/11/2023; ngày chỉnh sửa 02/01/2024; ngày chấp nhận đăng 29/02/2024

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxnvn10.1.NguyenThiPhuongThao>

1. Đặt vấn đề

Hiện tượng kết hôn giữa phụ nữ Việt Nam và nam giới nước ngoài bắt đầu vào những năm 1990 như là kết quả của sự phát triển nhanh chóng và hội nhập sâu sắc trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, và xã hội giữa Việt Nam với các nước khác (Hoang Ba Thinh 2013: 783). Trong những năm đầu, phụ nữ Việt Nam chủ yếu lấy chồng Đài Loan; nhưng kể từ những năm 2000, số phụ nữ kết hôn với người Đài Loan có xu hướng giảm, trong khi số phụ nữ kết hôn với người Hàn Quốc tăng lên (Hoang Ba Thinh 2013: 783). Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê Hàn Quốc (KOSIS), phụ nữ

Việt Nam chiếm số lượng đông nhất trong tổng số phụ nữ kết hôn di trú¹ tại Hàn Quốc kể từ năm 2009 đến năm 2021 (KOSIS 2022). Trong tổng số 136.668 phụ nữ kết hôn di trú tại Hàn Quốc năm 2021, phụ nữ Việt Nam có số lượng đông nhất với 37.887 người (tương đương 27,7%), sau đó là phụ nữ Trung Quốc với 31.903 người (tương đương 23,3%), và phụ nữ Trung Quốc gốc Triều Tiên với 13.916 người (tương đương 10,2%) (KOSIS 2022). Tuy nhiên, theo số liệu thống kê kể từ năm 1995 đến năm 2021, tỷ lệ ly hôn ở các gia đình Việt - Hàn luôn ở mức cao thứ hai, sau các cặp đôi Trung - Hàn (KOSIS 2023). Năm 2021, có 1.349 phụ nữ Việt Nam ly hôn với chồng Hàn

* Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;
email: thao.nguyen@ou.edu.vn

¹ Phụ nữ kết hôn di trú: Cụm từ chỉ những phụ nữ nhập cảnh Hàn Quốc theo diện kết hôn với người Hàn.

Quốc, trong khi số phụ nữ Trung Quốc ly hôn là 1.584 người (KOSIS 2023). Điều đáng chú ý là trong khi các cặp đôi khác ly hôn do sự khác biệt về tính cách, thì các cặp đôi Việt - Hàn chủ yếu ly hôn do bạo lực gia đình (Nguyễn Thị Phương Thảo 2016a: 12). Một số bài nghiên cứu trước đây của tác giả cũng đã chỉ ra rằng, mức độ stress trong cuộc sống gia đình (family life stress) của phụ nữ Việt lấy chồng Hàn có ảnh hưởng đến các triệu chứng trầm cảm của họ lớn hơn so với stress do thích nghi với văn hóa Hàn Quốc (acculturative stress) (Nguyễn Thị Phương Thảo 2016a: 64; 2016b: 232).

Nhiều nguyên nhân dẫn đến bạo lực trong các gia đình Việt - Hàn đã được chỉ ra như sự khác biệt về văn hóa, tuổi tác, rào cản ngôn ngữ, nghề nghiệp của người chồng (Cho 2010). Trong thời gian qua, Chính phủ Hàn Quốc cũng đã nỗ lực triển khai nhiều chính sách liên quan đến vấn đề bạo lực gia đình trong gia đình đa văn hóa¹, trong đó tập trung vào việc hỗ trợ phụ nữ kết hôn di trú thích nghi với xã hội Hàn Quốc thông qua các chương trình dạy ngôn ngữ và văn hóa, chương trình hòa nhập xã hội. Tuy nhiên, nạn bạo lực trong các gia đình đa văn hóa vẫn chưa được cải thiện khi mà số vụ bạo lực xảy ra trong các gia đình có yếu tố nước ngoài tăng cao hơn 10 lần kể từ năm 2014 (123 vụ) đến năm 2018 (1273 vụ) (Lee 2019). Bài viết nhằm phân tích nguyên nhân của vấn đề bạo lực gia đình dựa trên cách tiếp cận về giới và hệ thống chính sách, từ đó đưa ra những khuyến nghị về phòng chống bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa nói chung và gia đình Việt - Hàn nói riêng tại Hàn Quốc.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trước hết, về đối tượng và phạm vi nghiên cứu, bài viết tập trung vào vấn đề bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa ở Hàn Quốc. Bạo lực gia đình có thể xảy ra giữa vợ và chồng, cha mẹ và con, hoặc giữa các thành viên khác trong gia đình. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ giới hạn vấn đề bạo lực trong quan hệ vợ chồng do tính phổ biến của đối tượng nghiên cứu và để phù hợp với mục đích nghiên cứu.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết tổng hợp tài liệu dựa trên các công trình nghiên cứu khoa học và các báo cáo, khảo sát của Chính phủ Hàn Quốc liên quan đến tình trạng bạo lực trong các gia đình đa văn hóa ở Hàn Quốc để đem lại cái nhìn tổng quan về bạo lực gia đình ở nước này. Đồng thời, bài viết phân tích các công trình nghiên cứu khoa học về giới và bạo lực gia đình để tiếp cận vấn đề bạo lực trong gia đình đa văn hóa theo quan điểm giới. Thêm vào đó, bài viết nghiên cứu các văn bản, chính sách, luật của Hàn Quốc để tìm hiểu những điểm hạn chế trong hệ thống chính sách gây bất lợi cho phụ nữ kết hôn di trú là nạn nhân của bạo lực gia đình. Tác giả cũng sử dụng phương pháp phân tích, so sánh để thấy được điểm tương đồng hoặc khác biệt về pháp luật liên quan đến bạo lực gia đình giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Khái niệm “bạo lực gia đình”

Theo Điều 2, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 của Việt Nam, bạo lực gia đình được hiểu là “hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong

¹ Gia đình đa văn hóa: Cụm từ chỉ những gia đình kết hôn có yếu tố nước ngoài ở Hàn Quốc.

gia đình” (Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2022).

Điều 2, Khoản 1 Luật đặc biệt về xử lý tội phạm bạo lực gia đình của Hàn Quốc cũng định nghĩa bạo lực gia đình là “hành vi gây tổn hại về thân thể, tinh thần hoặc tài sản giữa các thành viên trong gia đình” (Bộ Lập pháp Chính phủ Hàn Quốc 2022). Trong đó, thành viên trong gia đình bao gồm vợ chồng hoặc từng là vợ chồng, bố mẹ đẻ hoặc bố mẹ vợ/chồng, bố mẹ kế và con, họ hàng sống chung một nhà (Điều 2, Khoản 2 Luật đặc biệt về xử lý tội phạm bạo lực gia đình của Hàn Quốc). Các hình thức bạo lực gia đình gồm có bạo lực về thân thể, bạo lực về tinh thần, bạo lực về kinh tế, bạo lực tình dục, và bỏ mặc (Bộ Lập pháp Chính phủ Hàn Quốc 2022). Như vậy, pháp luật hai nước có định nghĩa khá tương đồng về bạo lực gia đình.

3.2. Khái niệm “giới”

Giới là một thuật ngữ chỉ những đặc điểm, hành vi, vai trò xã hội, và những kỳ vọng của xã hội liên quan đến nam và nữ. Theo Điều 5 Luật Bình đẳng giới 2006 của Việt Nam, giới được định nghĩa là “đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội”; trong khi đó, giới tính “chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ” (Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2006). Hay nói một cách khác, giới tính là khái niệm chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ về phương diện sinh học; còn giới chỉ sự khác biệt về phương diện xã hội. Khái niệm “giới” (gender) và “giới tính” (sex) này được công nhận và sử dụng rộng rãi trên thế giới.

Tuy nhiên, Mai Huy Bích (2009: 9) cho rằng, chỉ nên dùng một thuật ngữ chung là “giới” để tránh sự nhầm lẫn và phức tạp cho người sử dụng. Cụ thể, giới có thể được định nghĩa một cách bao quát là “những tập hợp

người được xếp loại và phân biệt trên cơ sở đặc điểm giải phẫu cơ thể, và được đông đảo các thành viên trong cộng đồng, một xã hội hay một nền văn hóa chỉ định cho những kiểu hành vi riêng, trách nhiệm và quyền lợi riêng” (Mai Huy Bích 2009: 18). Bên cạnh đó, giới cũng là mối quan hệ trong đó, nam giới được xác định trong quan hệ với nữ giới và ngược lại (Mai Huy Bích 2009: 18). Những đặc điểm giới được tạo dựng qua quá trình lịch sử, có tính xã hội, có thể thay đổi qua thời gian, và có thể khác nhau trong những bối cảnh văn hóa, xã hội khác nhau (Thái Thị Ngọc Dur 2019: 23). Quan điểm giới được sử dụng trong bài viết này tập trung vào mối quan hệ giữa nữ giới và nam giới về cơ hội, quyền lực, vị trí xã hội, và phân công lao động.

3.3. Bạo lực trên cơ sở giới

Theo định nghĩa của Ủy ban về Xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ (Committee on the Elimination of Discrimination against Women - CEDAW), bạo lực trên cơ sở giới (gender-based violence), hay bạo lực giới, là hành vi gây hại nhằm vào một người dựa trên cơ sở giới tính của người đó (United Nations High Commissioner for Refugees 2003: 10). Nó bao gồm các hành động gây tổn hại về thể chất, tinh thần hay tình dục, sự đe dọa thực hiện những hành động ấy, sự cưỡng bức và sự tước đoạt tự do dưới hình thức khác (United Nations High Commissioner for Refugees 2003: 10). Thuật ngữ “bạo lực trên cơ sở giới” được dùng để phân biệt với bạo lực thông thường nhằm vào người khác (đến từ các nguyên nhân như hiểu lầm, bất đồng quan điểm, v.v.). Mặc dù bất cứ ai cũng có thể trở thành nạn nhân của bạo lực giới, nhưng phần lớn các nạn nhân đều là phụ nữ và trẻ em gái (United Nations High Commissioner for Refugees 2003: 10). Nguyên nhân của bạo lực giới xuất phát từ sự bất bình đẳng giới,

đặc biệt là về quyền lực (United Nations High Commissioner for Refugees 2003), xảy ra trong gia đình và toàn xã hội. “Mô hình quyền lực trong gia đình thường gắn với sự kiểm soát và tiếng nói của phụ nữ và nam giới”, trong đó “ai có quyền kiểm soát càng nhiều thì quyền lực sẽ thuộc về phía người đó” (Phan Thuận 2020: 24). Điều này có nghĩa là, người có nhiều quyền lực hơn có xu hướng gây bạo lực đối với người ít quyền lực hơn. “Một trong những biểu hiện thường được xét đến của bạo lực giới là bạo lực trong quan hệ vợ chồng” (Mai Huy Bích 2009: 109). Do nhiều nguyên nhân, từ nguyên nhân về thể chất (đa số nam giới khỏe mạnh hơn nữ giới) đến nguyên nhân về vai trò, mối quan hệ xã hội, quyền lực giới (nam giới được cho là “người trụ cột”, gánh vác việc lớn, nắm giữ quyền lực và là người ra quyết định chính trong gia đình) – nên bạo lực thường xảy ra theo hướng người chồng chống lại người vợ nhiều hơn.

Hàn Quốc từ lâu đã chịu ảnh hưởng nặng nề bởi Nho giáo và tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống ngày nay. Đất nước này xếp thứ 105 (Việt Nam xếp thứ 72) trong tổng số 146 nước trên bảng xếp hạng Khoảng cách Giới toàn cầu năm 2023 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) năm 2023 – thấp nhất trong số các nước phát triển (World Economic Forum 2023: 25). Tình hình bất bình đẳng giới ở Hàn Quốc hầu như không được cải thiện với khoảng cách giới luôn ở mức trên 30% kể từ năm 2016 (Statista 2023). Do vậy, phụ nữ ở nước này thường phải chịu nhiều bất công như phân biệt đối xử giới trong xã hội. Từ trước đến nay, không ít phụ nữ đã bị sát hại ở Hàn Quốc chỉ bởi lý do “là nữ giới” (Kang 2019; Kim 2023). Người ta đã sử dụng từ “femicide” – từ ghép giữa “female” và “homicide” – để ám chỉ việc sát hại phụ nữ do phân biệt đối xử giới. Năm 2019, có tới khoảng 1.500

người dân tham gia vào cuộc biểu tình chống nạn bạo lực đối với phụ nữ trên toàn quốc (Kang 2019). Những người biểu tình – trong đó có nhiều nam giới – đã giơ cao khẩu hiệu “Stop femicide”, “Đừng đung chim, đừng đánh, đừng sát hại”, “Phụ nữ đang chết dần ở Hàn Quốc – một đất nước trọng nam khinh nữ” (Kang 2019). Trong môi trường xã hội ấy, phụ nữ kết hôn di trú – đặc biệt là những phụ nữ đến từ các nước Đông Nam Á – phải đối mặt với cả sự phân biệt đối xử giới và định kiến của người Hàn đối với những nước kém phát triển hơn (Kim và cộng sự 2011; Kim và cộng sự 2017).

3.4. Thuyết nữ quyền và bạo lực gia đình

Nữ quyền (Feminism) là tư tưởng và phong trào chính trị - xã hội nhằm khẳng định và đấu tranh cho quyền của phụ nữ trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình, và cá nhân (Khuất Thu Hồng 2017). Các phong trào nữ quyền ra đời ở các nước phương Tây vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX. Thuyết nữ quyền (Feminist Theory), bắt nguồn từ phong trào nữ quyền, “tập trung nghiên cứu về bất bình đẳng giới thông qua những vai trò và trải nghiệm của phụ nữ, từ đó giải thích nguyên nhân của bất bình đẳng giới, làm cơ sở cho những giải pháp đấu tranh cải thiện địa vị của phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng” (Khuất Thu Hồng 2017).

Kể từ đầu những năm 1970, quan điểm nữ quyền đã trở thành một trong những cơ sở lý thuyết tiêu biểu trong vấn đề bạo lực gia đình (McPhail và cộng sự 2007). Các học giả nữ quyền cho rằng, nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình xuất phát từ giới và quyền lực, trong đó người đàn ông muốn duy trì sự thống trị và kiểm soát đối với người phụ nữ (Kristin 1997). Hay nói một cách khác, bạo lực gia đình là kết quả của sự

áp bức của nam giới đối với phụ nữ trong một hệ thống xã hội gia trưởng, trong đó nam giới là thủ phạm chính và phụ nữ là nạn nhân chính (Dobash và cộng sự 1979). Bởi vậy, các nhà nữ quyền luôn hướng tới thúc đẩy quyền của phụ nữ trong mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội, đồng thời đấu tranh nhằm nâng cao giá trị bản thân và bảo vệ phụ nữ khỏi các hình thức của bạo lực giới như bạo lực gia đình, xâm hại tình dục (Alice 1989; dẫn lại từ Phan Thuận 2020: 23).

Theo lý thuyết về nữ quyền, tư tưởng gia trưởng ở một quốc gia là nguyên nhân của sự “hợp lý hóa” hành vi bạo lực đối với người phụ nữ nhập cư ở nước đó (Sherma 2001; dẫn lại từ Cho 2010). Bên cạnh đó, nguyên nhân khiến phụ nữ nhập cư liên tục bị bạo hành trong gia đình không nằm ở cá nhân phụ nữ đó mà nằm ở cấu trúc xã hội, trong đó có những chính sách hỗ trợ không hiệu quả của quốc gia đó. Hay nói một cách khác, hệ thống pháp luật, chính sách tác động tiêu cực đến cơ cấu xã hội mang tính áp bức phụ nữ nhập cư, và điều này lại tạo ra một cơ cấu bất lợi khiến cho người phụ nữ khi bị bạo lực gia đình khó có thể đề nghị Chính phủ giúp đỡ (Abraham 2000; Montgomery 2009).

Trong thời gian gần đây, các học giả, nhà nghiên cứu luật và các nhà hoạt động xã hội Hàn Quốc cũng đã quan tâm hơn đến việc tiếp cận vấn đề bạo lực gia đình từ quan điểm giới. Họ cho rằng chính sự bất bình đẳng giới, định kiến về vai trò giới - coi trọng vai trò của người chồng trong gia đình là nguyên nhân gốc rễ khiến vấn nạn bạo lực gia đình còn tồn tại dai dẳng trong nhiều năm qua (Lee 2018). Xã hội Hàn Quốc thường đổ lỗi cho việc bạo lực gia đình từ những ông chồng là do “rượu” hoặc vấn đề về thần kinh nhưng sự thật là cho dù những người đó có cai rượu hay được trị liệu thì bạo lực gia đình cũng không chấm dứt (Lee

2018). Vì vậy, theo các nhà nữ quyền, cần phải giải quyết vấn nạn bạo lực gia đình bằng cách tác động vào nguyên nhân sâu xa nằm ở các yếu tố về cơ cấu xã hội và bất bình đẳng giới trong gia đình, thay vì những vấn đề phổ biến bên ngoài như khó khăn kinh tế, khác biệt tính cách, hay hạn chế về kỹ năng giao tiếp (Kim 1992).

4. Bạo lực trong gia đình Việt – Hàn tại Hàn Quốc

4.1. Tình hình bạo lực trong các gia đình đa văn hóa

Bạo lực gia đình là vấn đề phổ biến trong xã hội Hàn Quốc. Theo kết quả khảo sát gần đây của Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc về thực trạng bạo lực gia đình trên toàn quốc năm 2022 đối với 9.062 người trưởng thành, cứ 10 phụ nữ thì có một người đã từng bị chồng hoặc bạn trai bạo hành. Trong số người đã ly hôn hoặc ra ở riêng thì có tới hơn một nửa (50,8%) từng bị bạo hành (Kim 2023). Điều đáng chú ý là hầu hết (92,3%) các nạn nhân đều không tìm sự giúp đỡ ở đâu sau khi bị bạo hành (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc 2022b). Tỷ lệ này đã tăng hơn 6% so với số 85,7% trong cuộc khảo sát năm 2019 (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc 2022b). Lý do nạn nhân không tìm sự giúp đỡ bên ngoài là do họ cho rằng “bạo lực không nghiêm trọng” (36,9%), “chỉ cần chịu đựng qua lúc đó là được” (21%), “đây là việc riêng của hai vợ chồng” (20,5%), “có đề nghị giúp đỡ thì tình hình cũng không được cải thiện” (9,1%) hoặc “các cơ quan, tổ chức không thể giúp được gì” (5,3%) (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc 2022b).

Đặc biệt, cùng với sự gia tăng của các cuộc hôn nhân quốc tế trong những năm gần đây, vấn đề bạo lực trong các gia đình đa văn hóa đang trở thành một vấn đề xã hội

lớn ở Hàn Quốc. So với phụ nữ Hàn Quốc, các cô dâu nước ngoài càng dễ trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình do những yếu tố bất lợi về hoàn cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội cùng những vấn đề cá nhân như học vấn, tuổi tác, rào cản ngôn ngữ, nhập quốc tịch, hay nuôi dạy con. Theo kết quả khảo sát với gần 1.000 cô dâu ngoại quốc của Ủy ban Nhân quyền quốc gia Hàn Quốc năm 2017, có tới 42,1% tương đương cứ bốn người thì có một người cho biết đã từng bị chồng Hàn Quốc bạo hành (Ủy ban Nhân quyền quốc gia Hàn Quốc 2018). Về hình thức bạo hành, phần lớn (81,1%) các nạn nhân cho biết họ bị “chửi mắng thậm tệ”, tiếp theo là “bắt ép sinh hoạt theo kiểu Hàn Quốc” (41,3%), “uy

hiếp vũ lực” (38%), “cưỡng ép tình dục” (27,9%), “hạn chế việc ra ngoài” (25,6%), v.v.. (Jin 2019). Trước đó, Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc cũng đã tiến hành một cuộc khảo sát về bạo lực gia đình năm 2010 và cho biết gần 70% cô dâu nước ngoài từng bị chồng Hàn Quốc khống chế hoặc bạo hành về thể chất, cảm xúc, kinh tế, và/hoặc tình dục (Ủy ban Nhân quyền quốc gia Hàn Quốc 2018). Theo số liệu thống kê từ Viện Kiểm sát Hàn Quốc, số vụ bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa đã tăng gấp hơn 10 lần sau bốn năm, kể từ năm 2014 (123 vụ) đến năm 2018 (1273 vụ) (Lee 2019) (xem Bảng 1).

Bảng 1: Số vụ bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa ở Hàn Quốc

Thời gian	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Số vụ	123	782	976	839	1273

(Nguồn: Lee 2019)

Về lý do xảy ra mâu thuẫn, xung đột vợ chồng trong các gia đình đa văn hóa, Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc (2022a) cho biết phần lớn là do sự khác biệt trong cách suy nghĩ, giá trị quan (56,6%), vấn đề nuôi dạy con (26,7%), kinh tế (24,7%), trở ngại ngôn ngữ (17,8%)². Theo một nghiên cứu đối với hơn 800 phụ nữ kết hôn di trú ở Hàn Quốc, những phụ nữ ở khu vực thành thị có xu hướng bị bạo hành về kinh tế, trong khi những phụ nữ ở khu vực nông thôn có xu hướng bị bạo hành về mặt tình dục nhiều hơn (Kim và cộng sự 2011).

Số cuộc tư vấn hàng năm tại Tổng đài Danuri – cơ quan cung cấp dịch vụ tổng hợp cho gia đình đa văn hóa tại Hàn Quốc đã liên tục tăng lên từ 144.616 cuộc năm 2015 lên 155.641 cuộc năm 2019, sau đó tăng

manh lên 178.452 cuộc năm 2020 và gần 200.000 cuộc vào năm 2021 (Shon và cộng sự 2022). Sự tăng mạnh này được cho là do tác động của đại dịch COVID-19 khiến số vụ mâu thuẫn gia tăng trong các gia đình đa văn hóa. Trong số hơn 10.000 cuộc tư vấn trong năm 2021 tại Trung tâm Tư vấn dành cho phụ nữ di trú Seoul, phần lớn nội dung tư vấn đều tập trung vào vấn đề luật pháp, ly hôn và bạo lực gia đình (Yang 2022). Trong đó, số phụ nữ Việt Nam gọi đến để được tư vấn nhiều thứ hai, đứng sau Trung Quốc (Yang 2022).

Trong thời gian qua, đã có rất nhiều vụ việc phụ nữ Việt Nam bị chồng Hàn Quốc bạo hành hoặc thậm chí giết hại. Mỗi năm trung bình có khoảng hai phụ nữ kết hôn di trú bị chồng sát hại (Choi 2019). Năm 2019, một phụ nữ Việt đã bị chồng Hàn Quốc đánh đập dã man trong nhiều giờ đồng hồ trước mặt con trai nhỏ của mình. Người

² Kết quả này dựa trên cuộc khảo sát thực trạng gia đình đa văn hóa toàn quốc năm 2021 đối với 15.578 gia đình đa văn hóa ở Hàn Quốc.

chồng lúc đó đang ở trạng thái say rượu, vừa đánh vợ vừa liên tục chửi mắng cô về việc không được nấu món ăn Việt vì cô đang ở Hàn Quốc chứ không phải Việt Nam. Trong lời khai với cảnh sát, người chồng thú nhận thường xuyên đánh đập vợ vì lý do cô không giỏi tiếng Hàn (Dong-A Ilbo 2019). Bất đồng ngôn ngữ là yếu tố thường được coi là nguyên nhân của bạo lực gia đình trong các cặp vợ chồng kết hôn quốc tế, bên cạnh những yếu tố khác như sự khác biệt văn hóa, thói quen uống rượu của người chồng, khó khăn kinh tế, hay trình độ học vấn (Kim 2019).

Cho (2010) đã thực hiện một nghiên cứu về bạo lực gia đình (bao gồm hình thức bạo hành về thân thể và tinh thần) đối với 600 phụ nữ kết hôn di trú đến từ ba nước là Nhật Bản, Trung Quốc, và Việt Nam. Nghiên cứu đã chỉ ra bốn yếu tố liên quan đến bạo lực gia đình, gồm quốc tịch, tuổi tác, năng lực tiếng Hàn và nghề nghiệp của chồng. Cụ thể, về quốc tịch, nhóm phụ nữ Việt Nam bị bạo hành về thể chất nhiều nhất trong ba nhóm với 63,6%, trong khi hai nhóm còn lại chỉ ở mức dưới 20%. Độ tuổi và năng lực tiếng Hàn tỷ lệ nghịch với xu hướng bị bạo lực gia đình, có nghĩa là độ tuổi và năng lực tiếng Hàn càng tăng thì xu hướng bị bạo hành càng giảm (lần lượt với tỷ lệ giảm 4,8% và 17,6%). Nhóm phụ nữ Việt Nam có khả năng giao tiếp tiếng Hàn ở mức thấp nhất so với hai nhóm phụ nữ Nhật Bản và Trung Quốc. Về nghề nghiệp của người chồng, những người lao động giản đơn có xu hướng bạo lực gia đình cao hơn 87,8% so với những người làm văn phòng, quản lý, hay hành chính. Đặc biệt, những người đàn ông Hàn Quốc làm nghề nông - ngư nghiệp ở các làng chài có xu hướng gây bạo lực đối với phụ nữ kết hôn di trú cao hơn tới 208,7% so với người làm hành chính (Cho 2010). Điều này được hiểu là nam giới làm nông - ngư nghiệp có xu hướng ít tiếp xúc

với bên ngoài nên có tư tưởng gia trưởng nặng nề hơn.

4.2. Vấn đề bạo lực trong gia đình Việt - Hàn từ cách tiếp cận giới và hệ thống chính sách

Trong thời gian qua, Chính phủ Hàn Quốc cũng như các tổ chức xã hội ở nước này đã tổ chức nhiều chương trình dạy ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, thông dịch, chương trình hòa nhập xã hội Hàn Quốc cho người kết hôn di trú, song song với việc tổ chức các hoạt động tìm hiểu, giao lưu văn hóa nước ngoài cho người Hàn. Tuy nhiên, vấn đề bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa, đặc biệt là gia đình Việt - Hàn vẫn chưa được cải thiện. Trong số 15.421 phụ nữ kết hôn di trú tham gia cuộc khảo sát thực trạng các gia đình đa văn hóa toàn quốc năm 2021 của Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc, phần lớn cho biết họ im lặng chịu đựng (45,5%) hoặc tự tìm cách giải quyết (25,1%) khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng trong cuộc sống hàng ngày; chỉ 14,6% kể với người xung quanh (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc 2022a). Kết quả này tương tự với cuộc khảo sát năm 2018 (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc 2022a). Điều này đặt ra nghi vấn về những nỗ lực của Chính phủ Hàn Quốc trong việc giúp các nạn nhân ứng phó một cách tích cực với bạo lực gia đình. Do đó, chúng ta cần tìm hiểu nguyên nhân sâu xa hơn của vấn đề bạo lực gia đình theo góc nhìn về giới và hệ thống chính sách, thay vì phương diện cá nhân.

4.2.1. Quyền lực của nam giới trong văn hóa gia đình Hàn Quốc

Gia đình đóng một vai trò rất quan trọng ở Hàn Quốc. Nó không chỉ đơn giản là một tế bào xã hội mà còn là “một nhân tố chi phối tổ chức xã hội”, một thứ “chủ nghĩa”

được gọi là chủ nghĩa gia đình (familism) (Trần Ngọc Thêm 2006). Ở đó, gia đình là mô hình tổ chức quan trọng nhất, không chỉ ảnh hưởng đến các thành viên mà còn đến toàn xã hội. Đặc biệt, mối quan hệ giữa các thành viên gia đình Hàn Quốc được sắp xếp theo tôn ti trật tự rõ ràng, chặt chẽ, và nghiêm ngặt. Trong khi đó, quan hệ trong gia đình Việt Nam có sự gắn bó giữa các thành viên, nhưng tính tôn ti thì không nghiêm ngặt như ở Hàn Quốc. Bởi vậy, trong gia đình truyền thống Hàn Quốc, người chồng và cha là chủ gia đình, có uy tín và được tất cả kính trọng. Tôn ti trong gia đình được duy trì nhờ việc phục tùng người trên một cách tuyệt đối từ con đối với cha mẹ, vợ đối với chồng (Trần Ngọc Thêm 2006).

Tính tôn ti trật tự trong văn hóa gia đình cũng như xã hội Hàn Quốc bắt nguồn từ ý thức hệ Nho giáo - một hệ tư tưởng thống trị xã hội Hàn Quốc trong suốt khoảng 400 năm qua (Ryu 2020). Vì vậy, xã hội Hàn Quốc mang đậm tư tưởng gia trưởng coi nam giới là trung tâm, là người chủ của gia đình, gánh vác những việc lớn, có quyền quyết định mọi việc, trong khi nữ giới là người phụ thuộc và có trách nhiệm chăm sóc gia đình. Các nhà nữ quyền cho rằng trong chế độ gia trưởng, người đàn ông luôn được xem là “siêu việt”. “Phụ nữ bị kiểm soát bởi đàn ông và là một phần tài sản của người đàn ông” (Phan Thuận 2020: 23). Và khi quyền lực nằm trong tay của nam giới, việc sử dụng quyền lực thông qua hành động hay nguy cơ xảy ra bạo lực gia đình là rất cao (Phan Thuận 2020). Cả Việt Nam và Hàn Quốc đều chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo và chế độ gia trưởng có tác động lớn đến đời sống gia đình ở hai nước. Tuy nhiên, tư tưởng Nho giáo ở Việt Nam ít nặng nề hơn so với Hàn Quốc, và cả Trung Quốc (Knodel và cộng sự 2006). Nhìn chung, phụ nữ Việt Nam đóng vai trò quan trọng hơn

trong việc ra quyết định từ việc chi tiêu trong gia đình, đến việc kết hôn, giáo dục con, và có sự phân công việc nhà bình đẳng hơn (Knodel và cộng sự 2006). Do đó, việc phải thích nghi với tư tưởng gia trưởng nặng nề ở Hàn Quốc được coi là một thách thức lớn đối với những phụ nữ người Việt lấy chồng Hàn. Họ khó có thể hiểu những phong tục hay tư tưởng truyền thống như về quyền lực của người đàn ông trong gia đình, những gánh nặng trong vai trò của con dâu, hay sự can thiệp của mẹ chồng Hàn Quốc (Jeong và cộng sự 2010).

Trong các gia đình đa văn hóa, sự phân công lao động theo giới rất rõ ràng, thể hiện ở việc người chồng Hàn có vai trò quản lý tài sản, còn các cô dâu ngoại quốc thì chủ yếu làm việc nhà và chăm sóc con (Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc 2022a). Sự gắn chặt vào đời sống gia đình và ít có cơ hội tham gia hoạt động kinh tế, xã hội khiến cho những phụ nữ di trú kết hôn càng trở nên lệ thuộc vào người chồng về mọi mặt, từ kinh tế cho đến mối quan hệ xã hội. Đặc biệt, đối với nhiều phụ nữ Việt có trình độ học vấn và năng lực tiếng Hàn hạn chế, sự phụ thuộc này càng trở nên lớn hơn. Bởi vậy, nhiều trường hợp các cô dâu Việt liên tục bị bạo hành và muốn ly hôn nhưng vẫn chấp nhận sống chung vì không đủ nguồn lực để có thể tự trang trải cuộc sống sau khi ly hôn.

Kể từ năm 1980, nền văn hóa gia trưởng ở Hàn Quốc có xu hướng suy giảm do các phong trào thúc đẩy bình đẳng giới. Tuy nhiên, tư tưởng gia trưởng vẫn có ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân nơi đây, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Trong khi có tới 40% nam giới Hàn Quốc làm nghề nông - ngư nghiệp kết hôn quốc tế (Cho 2010), việc các cô dâu nước ngoài phải chịu tư tưởng gia trưởng của người chồng Hàn là rất phổ biến. Mặc dù nhiều người chồng Hàn Quốc khai với cảnh sát rằng, họ đánh vợ là do

người vợ “không thạo tiếng Hàn” (Dong-A Ilbo 2019), nhưng nếu nhìn từ quan điểm giới, đây không phải là nguyên nhân chính của vụ bạo hành. Đối với một người chồng biết tôn trọng vợ mình, nếu người vợ không giỏi tiếng Hàn, anh ta có thể tìm biện pháp giúp vợ cải thiện năng lực tiếng Hàn, đồng thời học hỏi ngôn ngữ cũng như văn hóa của vợ để tăng khả năng giao tiếp. Nhưng trong trường hợp này, nguyên nhân sâu xa nằm ở chỗ người đàn ông luôn coi mình là người có quyền lực cao nhất trong gia đình, có quyền kiểm soát, đánh đập vợ con khi nhu cầu không được đáp ứng. Chính vì vậy mà nhiều trường hợp phụ nữ Việt lấy chồng Hàn bị chồng cất giấu giấy tờ tùy thân, hoặc không cho tiếp xúc bên ngoài vì sợ cô bỏ trốn. Khi bị hạn chế tiếp xúc với bên ngoài, mối quan hệ xã hội của các cô dâu Việt vốn đã ít lại càng bị thu hẹp. Điều này khiến các cô khó tìm được sự giúp đỡ khi gặp khó khăn và tình trạng bạo lực càng trở nên tồi tệ.

4.2.2. Điểm bất lợi trong biện pháp can thiệp đối với phụ nữ bị bạo hành

Trong lĩnh vực tư vấn gia đình, bạo lực giữa hai vợ chồng thường được coi là vấn đề xuất phát từ tình huống và kỹ năng giao tiếp của hai vợ chồng. Cụ thể, bạo lực phát sinh từ những vấn đề như kỹ năng kiểm soát sự tức giận và stress, cách giải quyết mâu thuẫn, giao tiếp. Do đó, các chuyên gia cho rằng nếu giúp các cặp vợ chồng cải thiện khả năng giao tiếp để từ đó cải thiện mối quan hệ thì có thể chấm dứt bạo lực và ngăn ngừa tái phạm. Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình Hàn Quốc, việc ra các quy định về cung cấp dịch vụ như tham vấn, trị liệu cho người gây bạo lực và nạn nhân nhằm mục đích chính là giảm tình trạng tan vỡ hôn nhân, đồng thời xây dựng gia đình hạnh phúc thông qua việc ngăn chặn và khắc phục vấn đề bạo lực (Choi và cộng sự 1999). Từ

trước đến nay, các dịch vụ, chương trình hỗ trợ liên quan đến bạo lực gia đình ở Hàn Quốc chủ yếu do các trung tâm tư vấn pháp luật gia đình, đường dây nóng, trung tâm phúc lợi, nhà tạm lánh, hoặc các tổ chức xã hội, tôn giáo thực hiện. Cụ thể, các dịch vụ, hình thức hỗ trợ tiêu biểu là tư vấn pháp luật, tham vấn, trị liệu tâm lý, nhà tạm lánh, giới thiệu việc làm và chỉ tập trung vào phụ nữ là đối tượng bị bạo hành.

Khi xảy ra bạo lực nghiêm trọng, các tổ chức hữu quan thực hiện biện pháp can thiệp khẩn cấp là đưa nạn nhân đi cách li ở các nhà tạm lánh, trong khi kẻ gây bạo lực thì vẫn sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên, rất nhiều nạn nhân cảm thấy e ngại và không muốn đến các nhà tạm lánh vì đây là nơi sinh hoạt chung với quy mô nhỏ, khoảng 20 người bao gồm cả nhân viên (Park 2022). Có trường hợp, người bị bạo hành phải đến đây cùng con nhỏ nên việc sinh hoạt tập thể rất bất tiện. Trong khi đây đều là những nạn nhân của bạo lực gia đình, có tâm lý không ổn định, lo lắng, bất an nên rất nhạy cảm khi bị người khác xâm phạm lĩnh vực riêng tư của mình. Thêm vào đó, nhà tạm lánh có những quy tắc nghiêm ngặt như hạn chế sử dụng điện thoại cá nhân nhằm mục đích bảo vệ các nạn nhân, tránh để lộ nơi ở, hạn chế ra ngoài hay tham gia hoạt động kinh tế có đăng ký bảo hiểm lao động, hạn chế sử dụng thẻ tín dụng (Park 2022). Việc hạn chế sử dụng điện thoại khiến các nạn nhân gặp nhiều trở ngại do không thể trực tiếp nhận thông tin việc làm cũng như giao tiếp với tòa án để thực hiện thủ tục ly hôn.

Quan trọng hơn, chính những quy định nghiêm ngặt đó sẽ khiến những nạn nhân gặp khó khăn trong việc hòa nhập với xã hội sau khi trở về từ nhà tạm lánh. Đây là một thiệt thòi rất lớn đối với những nạn nhân của bạo lực gia đình. Họ vừa bị bạo hành, vừa phải rời bỏ môi trường quen thuộc để đến thích nghi với môi trường tập thể lạ lẫm, vừa

gặp khó khăn trong việc hòa nhập với xã hội sau cách ly. Điều này có thể khiến họ gặp phải những vấn đề về tâm lý như stress, rối loạn lo âu, trầm cảm, hoặc cảm giác tội lỗi (vì phải rời xa con). Vấn đề này còn nghiêm trọng hơn đối với các cô dâu ngoại quốc, khi sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa càng khiến các cô gặp khó khăn trong việc sinh hoạt chung với những người khác ở nhà tạm lánh. Mặt khác, sau khi họ trở về gia đình từ nhà tạm lánh, không có gì đảm bảo bạo lực sẽ không tiếp diễn trong ngôi nhà của họ. Thậm chí, có nhiều trường hợp còn bị bạo hành nhiều hơn vì người chồng cho rằng anh ta là “người thắng cuộc”, vì người vợ bỏ đi nhưng cuối cùng vẫn phải quay về. Tất cả những điều này dẫn đến tâm lý e ngại, không muốn đến nhà tạm lánh nên cố gắng chịu đựng khi bị bạo hành, hoặc tự bỏ nhà ra đi. Và thực tế cũng đã cho thấy, mặc dù số vụ bạo lực gia đình tăng lên nhưng số nạn nhân đến lưu trú ở các nhà tạm lánh lại giảm xuống (Park 2022).

4.2.3. Hạn chế trong chính sách pháp luật Hàn Quốc đối với phụ nữ kết hôn di trú

Các tổ chức hoạt động vì nhân quyền người nhập cư cho biết một trong những lý do chính khiến những phụ nữ kết hôn di trú không muốn tìm sự giúp đỡ khi bị chồng bạo hành là vì theo luật Hàn Quốc, người vợ ngoại quốc cần sự bảo lãnh của người chồng Hàn Quốc khi cần gia hạn thời gian lưu trú, xin visa cư trú vĩnh viễn hoặc nhập quốc tịch Hàn (Dong-A Ilbo 2019). Chính sự lệ thuộc này đã khiến nhiều người vợ ngoại quốc phải nhẫn nhục chịu đựng những cơn bạo hành trong gia đình để không bị ảnh hưởng tới việc cư trú. Luật này đã bị các nhà hoạt động xã hội chỉ trích vì vi phạm nhân quyền của phụ nữ di trú. Thông thường, visa cư trú theo diện kết hôn phải được gia hạn một đến hai năm một lần. Do đó, nhiều trường hợp xin thường trú hoặc nhập quốc tịch để được cư trú một cách ổn định. Trong

trường hợp này, sự lệ thuộc của người vợ nước ngoài vào chồng Hàn Quốc càng trở nên lớn hơn. Nếu muốn đăng ký xin thường trú hoặc nhập quốc tịch thì cần phải đáp ứng điều kiện về thu nhập nên những phụ nữ kết hôn di trú có thu nhập thấp khó có thể nộp đơn nếu không có sự hỗ trợ của người chồng (Im 2019).

Trước thực trạng này, năm 2011, Bộ Tư pháp Hàn Quốc đã bãi bỏ quy định nộp giấy bảo lãnh của người chồng khi phụ nữ kết hôn di trú đăng ký gia hạn thời gian cư trú. Tuy nhiên, trên thực tế có rất nhiều trường hợp vẫn bị yêu cầu sự có mặt, xác nhận hoặc giấy tờ tùy thân của người chồng khi phụ nữ kết hôn di trú đi gia hạn visa hoặc đăng ký nhập quốc tịch (Im 2019). Theo Bộ Tư pháp Hàn Quốc, phụ nữ kết hôn di trú có thể nộp đơn xin gia hạn thời gian cư trú hoặc nhập quốc tịch bất kể họ có con hay không, ngay cả khi mối quan hệ hôn nhân của họ bị cắt đứt do ly hôn hoặc người chồng Hàn Quốc của họ qua đời, với điều kiện rằng họ không phải chịu trách nhiệm chính cho sự tan vỡ hôn nhân. Hay nói một cách khác, sau khi ly hôn, những phụ nữ kết hôn di trú cần giao nộp cho tòa án chứng cứ để chứng minh nguyên nhân ly hôn là do lỗi của người chồng Hàn Quốc nếu muốn gia hạn thời gian cư trú hoặc nhập quốc tịch (Im 2019). Đây chính là điểm vô cùng bất lợi đối với phụ nữ kết hôn di trú. Việc những người vợ ngoại quốc không thành thạo tiếng Hàn và pháp luật phải ứng phó với tình huống bạo lực và thu thập tài liệu chứng cứ như ghi âm, ghi hình là điều không hề dễ dàng. Đó còn chưa kể đến những trường hợp khai báo với cảnh sát về bạo lực gia đình nhưng lại chỉ được coi là mâu thuẫn gia đình và không bị truy tố nên không lập biên bản. Trong trường hợp ly hôn theo thỏa thuận, nếu không có con thì phụ nữ kết hôn di trú bị buộc phải về nước hoặc cư trú bất hợp pháp. Chính vì vậy, rất nhiều phụ nữ kết hôn di trú đã chịu

đựng khi bị chồng bạo hành và ngại khiếu nại hay nhờ giúp đỡ. Bên cạnh đó, do chế độ bất hợp lý này mà hàng năm có đến khoảng 1.000 phụ nữ kết hôn di trú cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc (Im 2019). Những phụ nữ cư trú bất hợp pháp này lại càng dễ bị xâm hại hơn do không được pháp luật bảo vệ.

5. Luận bàn và khuyến nghị

Từ trước đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cũng như các cuộc khảo sát về bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa ở Hàn Quốc. Các công trình nghiên cứu đã đưa đến cái nhìn tổng quan về thực trạng bạo lực gia đình, đồng thời phân tích được những yếu tố nguy cơ khiến phụ nữ di trú kết hôn đối mặt với bạo lực gia đình ở Hàn Quốc. Trong đó, phần lớn các yếu tố được nhận định là sự bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa, hay khác biệt tính cách. Bên cạnh đó, một phần nghiên cứu đã chỉ ra nguyên nhân khác của bạo lực gia đình xuất phát từ định kiến, phân biệt đối xử giới ở Hàn Quốc. Cách tiếp cận về giới và hệ thống chính sách trong bài viết này cũng đã cho thấy bạo lực vợ chồng trong các gia đình đa văn hóa ở Hàn Quốc có nguồn gốc sâu xa từ sự bất bình đẳng giới ở nước này. Từ đó, bài viết đưa ra một số giải pháp khuyến nghị về phòng chống bạo lực gia đình trong các gia đình Việt - Hàn như sau:

Thứ nhất, về luật pháp, Hàn Quốc cần từng bước thực hiện bình đẳng giới trong các gia đình đa văn hóa nói chung và gia đình Việt - Hàn nói riêng, đảm bảo sự bình đẳng về luật pháp, cơ hội, và về tiếng nói cho những người vợ ngoại quốc. Chính phủ cần thi hành một cách thống nhất quy định luật về việc cho phép phụ nữ di trú kết hôn được gia hạn thời gian cư trú mà không cần người chồng xác nhận hay có mặt.

Thứ hai, về biện pháp can thiệp, Hàn Quốc nên cân nhắc thực hiện cách ly kẻ gây bạo lực ra khỏi gia đình, thay vì đưa nạn nhân là người vợ đi cách ly như hiện nay. Bởi đối với người phụ nữ, gia đình vốn là nơi gắn kết thân quen và vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của họ. Khi bị tách khỏi môi trường thân thuộc như vậy, song song với việc phải chịu đựng những quy định nghiêm ngặt và môi trường sống bất tiện tại nơi ở mới, họ có thể tiếp tục gặp phải những sang chấn hay cú sốc tâm lý khác. Người con gái lấy chồng ngoại quốc sang sinh sống ở nước ngoài vốn đã cảm thấy cô đơn, giờ đây sẽ càng cảm thấy cô đơn, tủi thân hơn nữa khi gặp phải tình cảnh như vậy. Trong khi đó, kẻ gây bạo lực thì vẫn được sống thoải mái trong ngôi nhà của mình. Mặt khác, nếu vẫn muốn đưa các nạn nhân tới ở nhà tạm lánh, Chính phủ Hàn Quốc cần phải cải thiện môi trường sống và xây dựng hệ thống nhà tạm lánh phù hợp với mức độ bị bạo hành của các nạn nhân. Ví dụ, các nạn nhân bị bạo hành ở mức nghiêm trọng thì cần được đưa đến nhà tạm lánh “khẩn cấp”. Ở đó, họ được chăm sóc đặc biệt về cả thể chất lẫn tinh thần. Không gian cư trú cũng cần xây dựng phù hợp theo đặc điểm của đối tượng, như nạn nhân có con nhỏ, nạn nhân thuộc nhóm người đồng tính hoặc chuyển giới (LGBT). Thêm vào đó, Hàn Quốc cũng cần phát triển công nghệ riêng để bảo vệ các nạn nhân, thay vì hạn chế sử dụng điện thoại như hiện nay. Điều quan trọng hơn hết là cần phải giúp các nạn nhân có thể tự lập, thích nghi được cuộc sống ngay sau khi ra khỏi nhà tạm lánh (Park 2022).

Thứ ba, Hàn Quốc và Việt Nam cần xây dựng và mở rộng nhiều chương trình đào tạo cũng như cơ hội việc làm cho những phụ nữ Việt lấy chồng Hàn (hoặc dự định lấy chồng Hàn) để họ có thể tự lập, bớt lệ thuộc vào người chồng trong cuộc sống nơi xứ người.

Thứ tư, hai nước cần xây dựng các chương trình hoặc hoạt động để phổ biến kiến thức về nhân quyền, bình đẳng giới dành cho người dân nói chung và các gia đình đa văn hóa nói riêng. Điều này vô cùng cần thiết để xây dựng hạnh phúc gia đình bền vững dựa trên sự tôn trọng quyền lợi và văn hóa của nhau.

6. Kết luận

Số phụ nữ nước ngoài kết hôn với nam giới Hàn Quốc dự kiến sẽ còn gia tăng khi nước này đang phải đối mặt với tình trạng già hóa dân số và tỷ lệ sinh thuộc hàng thấp nhất thế giới (Lee và cộng sự 2024). Phụ nữ kết hôn di trú nói chung và phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Hàn Quốc nói riêng phải đối mặt với nhiều thử thách mang tính xã hội như luật pháp, tư tưởng gia trưởng, bên cạnh những yếu tố cá nhân như chênh lệch tuổi tác, học vấn, tính cách, hay rào cản ngôn ngữ. Hoàn cảnh bất lợi này khiến những phụ nữ kết hôn di trú không thể ứng phó một cách tích cực và khó đề nghị giúp đỡ từ bên ngoài khi bị chồng bạo hành (Cho 2010).

Tóm lại, các nhà nghiên cứu và các chuyên gia cần phải xem xét vấn nạn bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa một cách đa chiều để thấy được sự thiệt thòi của phụ nữ từ sự bạo hành dưới nhiều hình thức khác nhau trên phương diện cá nhân, văn hóa, xã hội. Bên cạnh đó, các biện pháp can thiệp, hỗ trợ cần đẩy mạnh việc đáp ứng những nhu cầu giới chiến lược mang tính dài hạn (khắc phục tình trạng thiếu nguồn lực, nghèo đói, bất bình đẳng cơ hội, v.v.), thay vì chỉ tập trung vào nhu cầu giới thiết thực, mang tính trước mắt như dạy ngôn ngữ, văn hóa Hàn Quốc như hiện tại. Mặc dù chỉ giới hạn ở việc phân tích tài liệu, bài viết này được kỳ vọng góp phần gợi mở hướng

nghiên cứu mới cho các học giả quan tâm đến giới và bạo lực gia đình ở Hàn Quốc.

Tài liệu trích dẫn

- Abraham Margaret. 2000. "Isolation as a Form of Marital Violence: The South Asian Immigrant Experience". *Journal of Social Distress and the Homeless* 9: 221-236.
- Alice Echols. 1989. *Daring to Be Bad: Radical Feminism in America, 1967-1975*. Minneapolis: University of Minnesota Press. ISBN 0-8166-1787-2.
- Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc. 2022a. "2021 년 전국다문화가족실태조사" (Khảo sát thực trạng gia đình đa văn hóa toàn quốc năm 2021") (http://www.mogef.go.kr/mp/pcd/mp_pcd_s001d.do?mid=plc503&bbtSn=704929). Truy cập tháng 9 năm 2023.
- Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc. 2022b. "2022 년 가정폭력 실태조사 결과" (Kết quả khảo sát thực trạng bạo lực gia đình năm 2022") (https://www.mogef.go.kr/nw/enw/nw_enw_s001d.do?mid=mda703&bbtSn=711242). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Bộ Lập pháp Chính phủ Hàn Quốc. 2022. "가정폭력의 개념" (Khái niệm Bạo lực gia đình) (<https://easylaw.go.kr/CSP/CnpClsMain.laf?pMenu=ov&csmSeq=685&ccfNo=1&cciNo=1&cnpClsNo=1#:~:text=%22EA%B0%80%E C%A0%95%ED%8F%AD%EB%A0%A5%22%EC%9D%B4%EB%9E%80%3F,2%EC%A1%B0%EC%A0%9C1%ED%98%B8>). Truy cập tháng 9 năm 2023.
- Choi Daeun. 2019. "결혼이주여성, 매년 2 명 꼴 살해당해" (Phụ nữ kết hôn di trú, mỗi năm có 2 người bị sát hại) (<http://www.ekoreanews.co.kr/news/articleView.html?idxno=32747>). Truy cập tháng 9 năm 2023.

- Choi Gyuryeon, Yoo Eunhee, Hong Sukja, and Jeong Hyejeong. 1999. “가정폭력 예방 및 대처 프로그램 모형개발: 배우자 학대를 중심으로” (Phát triển mô hình ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực gia đình: Tập trung vào bạo lực đối với người bạn đời). *대한가정학회지 (Tạp chí Gia đình Hàn Quốc)* 37: 159-174.
- Cho Younoh. 2010. “다문화가정 여성의 가정폭력 피해경험에 대한 연구” (Nghiên cứu về trải nghiệm bạo lực gia đình của phụ nữ trong gia đình đa văn hóa). *피해자학연구 (Tạp chí nghiên cứu Người bị hại)* 18: 159-183.
- Dong-A Ilbo. 2019. “이주여성 10 명 중 4 명 맞고사는 현실... 신원보증폐지 무용지물” (Cứ 10 phụ nữ di trú thì có 4 người bị bạo hành... Quy định bãi bỏ đảm bảo danh tính là vô ích) (<https://www.donga.com/news/article/all/20190709/96397721/1>). Truy cập tháng 9 năm 2023.
- Dobash R. Emerson, and Dobash Russell. 1979. *Violence against wives*. New York: Free Press.
- Hoang Ba Thinh. 2013. “Vietnamese Women Marrying Korean Men and Societal Impacts: Case Studies in Dai Hop Commune, Kien Thuy District - Hai Phong City”. *Academic Journal of Interdisciplinary Studies* 2: 782-789, doi:10.5901/ajis.2013.v2n8p782.
- Im Junhyeong. 2019. “체류 위해 남편에 의존해야 하는 제도가 낳은 비극” (Bi kịch phát sinh từ chế độ phải phụ thuộc vào người chồng để được cư trú”) (<https://wspaper.org/article/22463>). Truy cập tháng 8 năm 2023.
- Jin Dalle. 2019. “결혼이주여성 42% 가정폭력 경험... 상담소 찾아도 산 넘어 산” (42% phụ nữ kết hôn di trú trải qua bạo lực gia đình... Dù tìm đến trung tâm tư vấn vẫn gặp muôn vàn khó khăn) (<https://m.hankookilbo.com/News/Read/201912091122378341>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Jeong Hyeyeong, and Kim Jinwoo. 2010. “Conflict process according to the acculturation of the Vietnamese migrated women’s family in Korea”. *Korean Journal of Social Welfare* 62: 29-55, doi: 10.20970/kasw.2010.62.2.002.
- Knodel John, Vu Manh Loi, Jayakody Rukmalie, Vu Tuan Huy. 2006. “Gender Roles in the Family: Change and Stability in Vietnam”. *Asian Population Studies* 1: 69-92, doi: 10.1080/17441730500125888.
- Kang Seokyeong. 2019. “여자라서 죽었다” 여성들의 분노로 가득 찬 해화역” (Sự phẫn nộ của phụ nữ tại ga Hyehwa với khẩu hiệu “Cô ấy chết vì là phụ nữ”) (<https://www.vop.co.kr/A00001457711.html>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Kim Sungcheon. 1992. “한국에서 성차별적 가족문제에 대한 페미니스트 가족치료의 수용가능성에 관한 연구” (Nghiên cứu về sự chấp nhận liệu pháp gia đình mang tính nữ quyền đối với vấn đề phân biệt đối xử giới trong gia đình ở Hàn Quốc) (<https://www.kwdi.re.kr/publications/journalView.do?p=63&idx=116230>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Kim Miyoung. 2019. “다문화가정 가정폭력 적극 대처” (tạm dịch “Ứng phó tích cực với bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa”) (<http://www.soraknews.co.kr/detail.php?number=13066&thread=26>). Truy cập tháng 8 năm 2023.
- Kim Minju. 2023. “이혼 동거종료 2 명 중 1 명 파트너에게 폭력 피해... 93%는 도움 요청 안해” (Cứ 2 người ly hôn hoặc ly thân thì có 1 người bị bạo hành bởi người bạn đời... 93% không tìm sự trợ giúp). (<https://www.womennews.co.kr/news/articleView.html?idxno=238078>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Kim Jieun. 2023. “여자라서 죽었다[뉴스룸에서]” (Cô ấy chết vì là phụ nữ [Tin tức]) (<https://v.daum.net/v/20230823063036528>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Kim Jiyoung, and Choi Hunseok. 2011. 결혼이주여성의 인권침해실태 및 대책에 관한 연구 (Nghiên cứu thực trạng và biện pháp ứng phó trước các vụ việc xâm hại nhân quyền đối với phụ nữ kết hôn di trú). *한국형사정책연구원 (Trung tâm nghiên cứu Tội phạm học Hàn Quốc)*.

- Kim Heejeong, and Cho Youngah. 2017. 결혼이주여성의 차별경험에 관한 질적 연구 (Nghiên cứu định tính về trải nghiệm bị phân biệt đối xử của phụ nữ kết hôn di trú). *다문화콘텐츠연구 (Tạp chí nghiên cứu Nội dung Đa văn hóa)*, 24, 99-140. DOI: 10.15400/mccs.2017.04.24.99.
- KOSIS. 2022. “결혼이민자 현황” (Thực trạng người kết hôn di trú” (https://kosis.kr/statHtml/statHtml.do?orgId=111&tblId=DT_1B040A16&vw_cd=MT_ZTITLE&list_id=A8&seqNo=&lang_mode=ko&language=kor&obj_var_id=&itm_id=&conn_path=MT_ZTITLE). Truy cập tháng 9 năm 2023.
- KOSIS. 2023. “외국인 아내의 국적별 이혼” (Số vụ ly hôn phân loại theo quốc tịch của phụ nữ nước ngoài) (http://kosis.kr/statHtml/statHtml.do?orgId=101&tblId=DT_1B85023&vw_cd=MT_OTITLE&list_id=MT_CTITLE_CD_10&scrId=&seqNo=&lang_mode=ko&obj_var_id=&itm_id=&conn_path=E1#). Truy cập tháng 9 năm 2023.
- Kristin L. Anderson. 1997. “Gender, Status, and Domestic Violence: An Integration of Feminist and Family Violence Approaches”. *Journal of Marriage and Family* 59: 655-669 <https://doi.org/10.2307/353952>.
- Khuất Thu Hồng. 2017. “Hiểu đúng về nữ quyền và bình đẳng giới” (<https://moha.gov.vn/congtacnbonu/binhdanggioi/hieu-dung-ve-nu-quyen-va-binh-dang-gioi-36374.html>). Truy cập tháng 9 năm 2023.
- Lee Seah. 2018. “왜 매맞는 여성은 가정폭력을 합리화할까” (Vì sao những phụ nữ bị bạo hành lại hợp lý hóa bạo lực gia đình?) (<https://www.womennews.co.kr/news/articleView.html?idxno=144348>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Lee Heedong. 2019. “최근 6 년간 다문화가정 가정폭력 4515 건 검거” (Bắt giữ 4515 vụ liên quan đến bạo lực gia đình trong các gia đình đa văn hóa trong vòng 6 năm qua) (<http://www.rwn.co.kr/news/articleView.html?idxno=51934>). Truy cập tháng 8 năm 2023.
- Lee Jihoon, and Kim Cynthia. 2024. “In South Korea, world’s lowest fertility rate plunges again in 2023” (<https://www.reuters.com/world/asia-pacific/south-koreas-fertility-rate-dropped-fresh-record-low-2023-2024-02-28/>). Truy cập tháng 4 năm 2024.
- Mai Huy Bích. 2009. *Giáo trình Xã hội học Giới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Montgomery. 2009. *South Asian Immigrants' Perceptions of Abuse in Marital Conflict*. Doctoral thesis, Boston College.
- McPhail Beverly A., Busch Noel Bridget, Kulkarni Shanti, and Rice Gail. 2007. “An Integrative Feminist Model: The Evolving Feminist Perspective on Intimate Partner Violence”. *Violence Against Women* 13: 817-841, doi: 10.1177/1077801207302039.
- Nguyễn Thị Phương Thảo. 2016a. *The Pathway of Stress to Depressive Symptoms among Vietnamese Marriage Migrant Women in South Korea*. Doctoral thesis, Seoul National University.
- Nguyễn Thị Phương Thảo. 2016b. “Different Effects of Acculturative Stress and Family Life Stress on Depressive Symptoms among Married Vietnamese Immigrant Women in South Korea”. *Asian Social Work and Policy Review* 10: 225-236, doi:10.1111/aswp.12092.
- Park Goeun. 2022. “가정폭력 피해 늘었지만 쉼터 입소는 왜 줄었을까” (Vì sao số vụ bạo lực gia đình tăng nhưng số người vào nhà tạm lánh lại giảm?) (<https://www.hani.co.kr/arti/society/women/1046537.html>). Truy cập tháng 8 năm 2023.
- Phan Thuận. 2020. “Lý giải bạo lực giới từ một số tiếp cận về quyền lực giới”. *Tạp chí khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam* 10: 20-27.
- Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2006. “Luật Bình đẳng giới”. *Thư viện pháp luật* (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx>). Truy cập tháng 8 năm 2023.

- Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2022. “Luật Phòng, chống bạo lực gia đình”. Hệ thống tư liệu – văn kiện Đảng (<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2023/5/7/22/Luat-Phong-chong-bao-luc-gia-dinh.pdf>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Ryu Donghyeop. 2020. “가부장적 문화에서 벗어나기 위해” (Để thoát khỏi văn hóa gia trưởng”) (<https://www.womentimes.co.kr/news/articleView.html?idxno=44880>). Truy cập tháng 8 năm 2023.
- Shon Minju, Park Seongdong, Yoon Junho, and Lee Jeongmin (2022), “가정불화는 곧 체류 불안... 미등록 체류자 되기도” (Gia đình bất hòa dẫn đến việc lo lắng về cư trú... Trở thành người cư trú bất hợp pháp). (<http://www.danbinews.com/news/articleView.html?idxno=20581>). Truy cập tháng 1 năm 2023.
- Statista. 2023. “Gender gap index in South Korea from 2016 to 2023”. (<https://www.statista.com/statistics/1378362/south-korea-gender-gap-index/>). Truy cập tháng 12 năm 2023.
- Trần Ngọc Thêm. 2006. “Vai trò của chủ nghĩa gia đình ở Korea: từ truyền thống đến hội nhập” trong sách *Văn hóa phương Đông – truyền thống và hội nhập*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thái Thị Ngọc Dur. 2019. Tài liệu hướng dẫn học tập Giới và Phát triển. Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
- United Nations High Commissioner for Refugees. 2003. “Sexual and Gender-Based Violence against Refugees, Returnees and Internally Displaced Persons: Guidelines for Prevention and Response” (<https://www.unhcr.org/protection/women/3f696bcc4/sexual-gender-based-violence-against-refugees-returnees-internally-displaced.html>). Truy cập tháng 8 năm 2023.
- Ủy ban Nhân quyền quốc gia Hàn Quốc. 2018. 결혼이주민의 안정적 체류보장을 위한 실태조사 (Khảo sát thực trạng nhằm đảm bảo cho việc cư trú ổn định của người kết hôn di trú). National Human Rights Commissions of Korea.
- World Economic Forum. 2023. Global Gender Gap Report 2023. (https://www3.weforum.org/docs/WEF_GGGR_2023.pdf). Truy cập tháng 8 năm 2023.
- Yang Taesam. 2022. “이주여성, ‘법률’ 상담이 가장 많아... 이혼·가정폭력 순” (Số vụ tư vấn pháp luật nhiều nhất ở phụ nữ di trú... tiếp theo là các vụ tư vấn về ly hôn, bạo lực gia đình”) (<https://www.yna.co.kr/view/AKR20220107121300371?input=1195m>). Truy cập tháng 8 năm 2023.